

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 -HẢI PHÒNG**

Bản án số: 81/2026/HSST
Ngày 28/7/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -HẢI PHÒNG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy và ông Đinh Ngọc Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hải Phòng;

- Đại diện VKSND khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn A- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) khu vực 8- Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2026/HSST-QĐ, ngày 09/7/2026, đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh ngày 20/7/1971, tại Hải Dương; CCCD số 030171003680; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: số A /1022 L, phường T, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1942; chồng là Nguyễn Viết T; có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 165/2025/HSST ngày 01/8/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Hành vi phạm tội từ tháng 7/2023 đến ngày 26/7/2024). Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H3-Bộ C1 (có mặt).

* Bị hại: Anh Thân Văn N, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ dân phố C (nay là Tổ dân phố P), phường N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

* Người làm chứng: Anh Đinh Mạnh H1 và ông Nguyễn Viết T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2022, Phạm Thị L đăng ký thành lập Công ty TNHH L1, có trụ sở ở A L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) nhưng làm ăn thua lỗ. Để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2024, L đã đưa ra các thông tin gian dối về việc kinh doanh thu mua, xuất khẩu nông sản (ớt quả) sang Trung Quốc có lãi suất cao, L rủ anh Thân Văn N, sinh năm 1964 ở tổ dân phố C, phường N, tỉnh Bắc Ninh tham gia góp vốn kinh doanh, L nói với anh N góp vốn càng nhiều lãi càng cao. Liệu dùng số điện thoại 0973274133, tên tài khoản Z là “Phạm Liệu”, kết bạn với anh N qua số điện thoại 0399914615, tên tài khoản Z là “Thân Văn N”. Ngày 15/12/2022, L rủ anh N đến nhà chơi và tiếp tục giới thiệu về việc thu mua ớt xuất khẩu, việc làm ăn rất tốt và lợi nhuận sẽ chia đôi. Tin là thật, anh N góp vốn số tiền 50.000.000 đồng, L đã viết giấy chứng nhận, đóng dấu Công ty TNHH L1. Để anh N tin tưởng, L nói dối đã xuất được 01 chuyến hàng, chia lãi cho anh N 40.000.000 đồng và tính tiền lãi luôn vào tiền gốc để góp vốn thêm. L nói với anh N góp vốn càng nhiều thì tiền lãi càng cao. Liệu cho anh N số tài khoản 1019970223 V để chuyển tiền góp vốn.

Do tin tưởng, anh N đã nhiều lần gửi tiền cho L để góp vốn, cụ thể:

Anh N dùng tài khoản 25022052581314 A1 mang tên Thân Văn N chuyển tiền cho L: ngày 10/02/2023 chuyển 70.000.000 đồng; ngày 11/11/2024 chuyển 500.000 đồng; ngày 21/11/2024 chuyển 5.000.000 đồng.

Anh N nhờ anh Đinh Mạnh H1 (sinh năm 1988 trú tại thôn T, xã H tỉnh Bắc Ninh) sử dụng tài khoản 5555568333333 M của anh H1 chuyển tiền vào tài khoản của L cụ thể: ngày 09/01/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; ngày 12/01/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; sử dụng tài khoản 073100796656 V của anh H1 chuyển đến tài khoản của L: ngày 07/4/2023 chuyển hai lần, lần một là 5.000.000 đồng, lần hai là 3.000.000 đồng; ngày 11/4/2023 chuyển 3.000.000 đồng; ngày

16/4/2023 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 19/4/2023 chuyển 7.000.000 đồng; ngày 12/7/2023 chuyển 3.000.000 đồng; ngày 17/7/2023 chuyển hai lần, lần một là 1.000.000 đồng, lần hai là 4.000.000 đồng.

Thời điểm tài khoản ngân hàng của L bị lỗi, L cho anh N tài khoản 101883306280 V1 mang tên Nguyễn Viết T (chồng của L) để anh N chuyển tiền góp vốn. Ngày 26/12/2024, anh N dùng số tài khoản 25022052581314 A1 chuyển đến tài khoản này 500.000 đồng, ngày 28/12/2024 chuyển 200.000 đồng.

Tổng số tiền anh N chuyển đến các tài khoản của L là 176.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền anh N đưa và chuyển, L đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi tìm hiểu anh N mới biết Liệu không xuất khẩu nông sản như đã thỏa thuận, anh N đã nhiều lần gọi điện cho L để yêu cầu trả lại tiền nhưng không liên lạc được. Ngày 20/12/2025, Anh Thân Văn N trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T1 và giao nộp 01 giấy chứng nhận phần góp vốn của công ty TNHH L1.

Tại kết luận giám định số 572 ngày 09/02/2026 của Phòng K, Công an T1 xác định: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị L tại mục “Công ty LIVAGE” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Phạm Thị L sinh năm 1971 nơi thường trú: số A L, T, thành phố Hải Phòng trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký viết ra.

Về vật chứng: Giấy chứng nhận phần góp vốn ngày 15/12/2022 hoàn trả sau giám định được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh N yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 176.200.000 đồng, bị cáo chưa thực hiện.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSKV8 ngày 11/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt VKSND) khu vực 8- Hải Phòng truy tố Phạm Thị Liệu về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi như tại giai đoạn điều tra, truy tố.
- Đại diện VKSND khu vực 8- Hải Phòng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt 13

năm tù của bản án số 165/2025/HSST ngày 01/8/2025, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 18 năm 06 tháng tù đến 19 năm tù, thời hạn tính từ ngày 01/4/2025. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 176.200.000 đồng. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã thực hiện đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến, khiếu nại về nội dung này.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, sao kê tài khoản ngân hàng, biên bản giải trình nội dung sao kê, lời khai của bị hại anh Thân Văn N và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên có đủ cơ sở kết luận: Do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Phạm Thị L đưa ra thông tin gian dối về việc đang kinh doanh thu mua, xuất khẩu nông sản (ớt quả) sang Trung Quốc có lợi nhuận cao, hứa hẹn chia lãi, đồng thời sử dụng danh nghĩa Công ty TNHH L1, lập giấy chứng nhận phần góp vốn có ký tên, đóng dấu công ty nhằm tạo lòng tin để anh Thân Văn N nhiều lần giao và chuyển tiền góp vốn. Tin tưởng vào các thông tin do bị cáo đưa ra, từ ngày 15/12/2022 đến ngày 28/12/2024, anh Thân Văn N đã nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo, tổng số tiền là 176.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không sử dụng để đầu tư, kinh doanh như cam kết mà dùng toàn bộ số tiền vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân, đến nay không trả. Hành vi gian dối ngay từ đầu của bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 176.200.000 đồng của người bị hại là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, có trị giá tài sản chiếm đoạt từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

[3]. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thông tin gian dối để người khác giao tài sản là vi phạm

pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt với bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, trong thời gian dài, bị cáo nhiều lần nhận tiền của bị hại, chiếm đoạt tổng số tiền 176.200.000 đồng, nay chưa khắc phục hậu quả. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, Bản án số 165/2025/HSST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện bị cáo đang chấp hành bản án này tại Trại giam H3- Bộ C1.

Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại, có số tiền chiếm đoạt từng lần trên 02 triệu đồng, mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 BLHS. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, chưa khắc phục hậu quả, nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hành vi thực hiện tội phạm của vụ án này từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2024, trong khi bản án ngày 01/8/2025 xét xử hành vi phạm tội từ tháng 7/2023 đến 26/7/2024 nên xác định hành vi phạm tội trong vụ án này được thực hiện trước khi bị cáo có bản án nêu trên. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 13 năm tù của Bản án số 165/2025/HSST ngày 01/8/2025, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định hoặc có tài sản riêng. Số tiền chiếm đoạt đến nay bị cáo chưa khắc phục hậu quả, đồng thời đang phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang có hiệu

lực. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại cho anh Thân Văn N số tiền 176.200.000 đồng. Anh N yêu cầu bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền này. Xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Thân Văn N số tiền 176.200.000 đồng.

[7]. Về vật chứng: Giấy chứng nhận phần góp vốn ngày 15/12/2022 đã được sử dụng làm chứng cứ trong vụ án và hiện được lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định nên HĐXX không xem xét xử lý.

[8]. Anh Nguyễn Viết T cho L mượn tài khoản để nhận tiền do anh N chuyển nhưng không biết tiền do L phạm tội mà có; đối với chị Trịnh Thị Phương H2 là người có tên trong đăng ký kinh doanh với L hiện đang vắng mặt tại địa phương nên không có căn cứ xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải thực hiện việc bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 56, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Căn cứ các Điều 357, 468, 584 và 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2]. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 13 (mười ba) năm tù của Bản án số 165/2025/HSST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo Phạm Thị L phải chấp hành hình

phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/4/2025.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị L bồi thường cho anh Thân Văn N số tiền 176.200.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4]. Về án phí:

Bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.810.000đ (tám triệu, tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc này niêm yết bản án theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 -Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8- Hải Phòng;
- Trại giam Hoàng Tiến- Bộ công an;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Toà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà